

Bản án số: 120/2019/DS-PT

Ngày 22/8/2019

v/v tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;

- Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Văn Cường;

+ Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hà, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châm - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7755/2019/QĐ-PT ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú tại số 5, ngách 27, ngõ 357, phường B, Quận H1, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa;

2. Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú tại Nhà Lô 1, ô 3, Đền Lừ 2, phường H, quận H2, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa;

3. Ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú tại số 11, ngõ 229B/18, đường N, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú tại Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: 39 Bouleval des Recollet, Appt 18 zestage 31400 Toulouse, France.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú tại số 11, ngõ 229B/18, đường N, phường P, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa;

2. Ông Phạm Văn S, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam; vắng mặt tại phiên tòa;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn S là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ nơi cư trú tại Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa;

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Văn L và cụ Trần Thị H sinh được 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1962; bà Nguyễn Thị N (chết năm 1980, khi chết không có chồng con), bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1974.

Năm 1992 cụ L chết, năm 2010 cụ H chết. Trước khi chết, cụ L và cụ H đều không để lại di chúc. Di sản để lại là 410m² đất (trong đó có 289m² đất thổ cư và 121m² đất vườn) tại thửa 270, tờ bản đồ số 33, ở Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G345973 ngày 25/12/1995 mang tên cụ Nguyễn Thị H. Năm 2010, Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất là 135m² và đền bù số tiền 45.547.752 đồng, số tiền đền bù do bà Nguyễn Thị L làm thủ tục và nhận tiền từ Ban giải phóng mặt bằng huyện B2. Hiện diện tích đất còn lại là 275m² (trong đó đất thổ cư là 246m², đất vườn là 29m²).

Ngày 21/11/2013, Hội đồng định giá tiến hành định giá đối với diện tích đất còn lại. Trong đó đất thổ cư 246m² x 1.500.000đ/m² = 369.000.000 đồng, đất vườn 29m² x 750.000 đ/m² = 21.750.000 đồng. Tổng cộng là 390.750.000 đồng.

Các đồng thừa kế thống nhất xác định tài sản trên đất hiện nay gồm có: 01 bể nước không còn giá trị sử dụng và 01 miếu thờ khoảng 03m² trị giá khoảng 03 triệu đồng, cây cối hoa màu trên đất do vợ chồng bà L, ông S trồng và tự thu hoạch gồm 02 cây sấu to đã cho quả sản lượng 75kg/cây; 60 bụi chuối đã cho buồng, 01 cây xoan đường kính 30cm, 01 cây Dạ Lan, 02 cây cảnh cao khoảng 1,5m, 01 cây khế, 40 cụm dong, 100m² trồng rau ngắn ngày như rau muống, rau ngải cứu và rau lang, 01 cây chanh to, 02 cây quất nhỏ, tổng giá trị các loại cây cối trên đất khoảng 15 triệu đồng.

Đồng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Đức M và ông Nguyễn Nam H đều yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L và cụ H theo quy định của pháp luật, gồm diện tích đất còn lại là 275m² và số tiền 45.547.752 đồng cho 05 người con. Đối với tài sản trên đất, 01 bể nước do cụ L và cụ H xây đã lâu hiện không còn giá trị sử dụng và 01 miếu thờ khoảng 03m² do cụ H xây cuối năm 2003 có giá trị khoảng 3.000.000 đồng. Các đồng nguyên đơn thống nhất sẽ tự nguyện thanh toán cho vợ chồng bà L số tiền cây cối hoa màu trên đất là 15.000.000 đồng (mỗi người có trách nhiệm thanh toán 05 triệu đồng), cây cối vào phần đất của ai thì người đó được hưởng, miếu thờ vào phần đất của ai thì người đó quản lý và thờ cúng. Bà O tự nguyện thanh toán tiền thuế đất mà bà L đã nộp từ năm 2010 đến năm 2015 tổng số tiền là 203.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L thì cho rằng: Năm 1962, bố mẹ bà xây nhà và ở trên thửa đất tại thửa 270, tờ bản đồ số 33, ở Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam. Năm 1981 em gái bà là Nguyễn Thị N chết, đến năm 1985 bố mẹ bà dỡ căn nhà trên và chuyển lên mua nhà và sinh sống ở mặt đường liên huyện tại xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2. Năm 1991, cụ L và cụ H bán cho vợ chồng bà thửa đất trên với giá 02 chỉ vàng, khi bán có ông H, ông M biết và cùng ký vào giấy chuyển nhượng với cụ L, cụ H. Sau khi bán lại đất cho vợ chồng bà, bố mẹ bà chuyển lên Khu 2, thị trấn X, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc ở. Năm 1992 thì bố bà là cụ Nguyễn Văn L chết. Đầu năm 1995, mẹ bà là cụ Trần Thị H mua nhà thanh lý và sống tại Khu tập thể Nhà máy đường Vĩnh Trụ thuộc xóm 2, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam. Sau khi mua lại đất của bố mẹ, bà chỉ sử dụng mảnh đất để làm vườn trồng cây, tài sản trên đất có 01 bể nước do bố mẹ bà xây đã lâu, hiện không còn giá trị sử dụng và 01 miếu thờ khoảng 03m² vợ chồng bà xây năm 1995 có giá trị khoảng 03 triệu đồng, gia đình bà không cải tạo gì thêm, cũng không sinh sống trên thửa đất trên. Bà không nhất trí chia thừa kế diện tích đất 275m² và số tiền 45.547.752 đồng bà đã nhận từ Ban giải phóng mặt bằng huyện B2 và không đồng ý chia tài sản trên đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam áp dụng khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 146; 147; 165; 184; 185; 186; 187; 271; 273; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 138; 149; 213; 219; 610; 613; 614; 623; 649; 650; 651; 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận diện tích đất 275m² tại Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G345973 ngày 25/12/1995 của Ủy ban nhân dân huyện B2, tỉnh Hà Nam trong đó có 289m² đất thổ cư và 121m² đất vườn. Hiện tại nhà nước đã thu hồi 135m² (trong đó đất thổ cư 43m², đất vườn 92m²). Còn lại 275m² (trong đó đất thổ cư 246m², đất vườn 29m²); 01 miếu thờ khoảng 3m² trị giá 3.000.000 đồng và số tiền 45.547.752 đồng là di sản hợp pháp của cụ Trần Thị H (tức Nguyễn Thị H) và cụ Nguyễn Văn L để lại.

2. Công nhận quyền được chia di sản thừa kế theo pháp luật về phần đất và phần tiền cho các đồng thừa kế sau: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị O, Nguyễn Đức M, Nguyễn Thị H và Nguyễn Nam H.

3. Xác định mỗi kỹ phần được hưởng giá trị bằng tiền là 86.659.500 đồng.

4. Phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị L được quyền sở hữu, sử dụng 65m² đất (trong đó đất thổ cư 60m²; đất vườn 5m²), tại thửa 270, tờ bản đồ số 33, ở Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam. Phía Nam và phía Tây giáp hộ ông T, phía Đông giáp đường kè sông, phía Bắc giáp phần đất chia cho bà O. Trị giá đất 93.750.000 đồng.

- Chia cho bà Nguyễn Thị O được sở hữu, sử dụng 60m² đất (trong đó đất thổ cư 55m²; đất vườn 5m²), tại thửa 270, tờ bản đồ số 33, ở Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam. Phía Nam giáp phần đất chia cho bà L, phía Đông giáp đường kè sông, phía Tây giáp hộ ông T, phía Bắc giáp phần đất chia cho ông M. Trị giá 86.250.000 đồng.

- Chia cho ông Nguyễn Đức M được sở hữu, sử dụng 60m² đất (trong đó đất thổ cư 55m²; đất vườn 5m²), tại thửa 270, tờ bản đồ số 33, ở Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam. Phía Nam giáp phần đất chia cho bà O, phía Tây giáp hộ ông T, phía Đông giáp đường kè sông, phía Bắc giáp phần đất chia cho ông H. Trị giá 86.250.000 đồng.

- Chia cho ông Nguyễn Nam H được sở hữu, sử dụng 90m² đất (trong đó đất thổ cư 76m²; đất vườn 14m²), tại thửa 270, tờ bản đồ số 33, ở Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam. Phía Nam giáp phần đất chia cho ông M, phía Tây giáp hộ ông T, phía Đông giáp đường kè sông, phía Bắc giáp hộ ông Đ và hộ bà B. Trị giá 124.500.000 đồng (có sơ đồ giải thửa xác định tứ cận).

5. Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán trả chênh lệch cho bà Nguyễn Thị H số tiền 49.638.000 đồng.

6. Buộc ông Nguyễn Nam H phải có trách nhiệm thanh toán trả bà Nguyễn Thị H 37.021.500 đồng, ông Nguyễn Đức M 409.500 đồng, bà Nguyễn Thị O 409.500 đồng.

7. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị O thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền thuế đất 203.000 đồng mà bà L đã nộp từ năm 2010 đến năm 2015.

8. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Nam H, ông Nguyễn Đức M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn S số tiền 15 triệu đồng (mỗi người thanh toán 05 triệu đồng). Cây cối trên đất thuộc phần của ai thì người đó được sở hữu, miếu thờ thuộc phần đất của ai thì người đó có trách nhiệm trông coi quản lý và không phải thanh toán 03 triệu đồng giá trị miếu thờ cho các đồng thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/11/2018, bà Nguyễn Thị L kháng cáo, nội dung đơn bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận thửa đất 410 m² và số tiền đền bù giải phóng mặt bằng 45.547.752 đồng của cụ Nguyễn Văn L và cụ Trần Thị H là di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thời hiệu và thủ tục tố tụng: Cụ L chết năm 1992, cụ H chết năm 2010, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần di sản của cụ Nguyễn Văn L và cụ Trần Thị H được xác định còn trong thời hiệu khởi kiện; việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, cho nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Cụ Nguyễn Văn L và cụ Trần Thị H sinh được 06 người con gồm: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1959; ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1962; bà Nguyễn Thị N (chết năm 1980 khi chết chưa có chồng con), bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Nam H, sinh năm 1974. Năm 1992 Cụ L chết, năm 2010 cụ H chết đều không để lại di chúc.

Về nguồn gốc thửa đất và di sản thừa kế, các bên đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ L và cụ H. Khối di sản của các cụ để lại là 410 m² đất, quá trình sử dụng, Nhà nước đã thu hồi 135m², còn lại 275m² đất và số tiền 45.547.752 đồng do Ban giải phóng mặt bằng huyện B2, tỉnh Hà Nam chi trả do đền bù thu hồi đất; 01 bể nước hồng và 01 Miếu thờ, các đồng thừa kế đều xác định giá trị tại thời điểm hiện tại là 03 triệu đồng. Tài sản trên đất như cây cối, hoa màu do bà L và ông S phát triển được khoảng 15 triệu đồng.

Theo bà L trình bày thì, cụ L và cụ H bán cho vợ chồng bà với giá 02 chỉ vàng từ năm 1991. Cùng với trình bày như trên, bà L có xuất trình chứng cứ chứng minh là giấy chuyển nhượng nhà và đất lập ngày 10/4/1991.

[3] Xem xét về giấy chuyển nhượng nhà và đất nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, giấy chuyển nhượng nhà mà bà L xuất trình không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương, hai chữ “và đất” là loại mực khác nhau, mới được bổ sung thêm. Khi làm thủ tục để nhận tiền bồi thường thu hồi đất, bà L xuất trình cho Ban giải phóng mặt bằng huyện B2 bản phô tô thì nội dung không có chữ “và đất”, mặt khác, nội dung trong giấy chuyển nhượng chỉ thể hiện việc chuyển nhượng nhà ngôi ba gian, không thể hiện chuyển nhượng diện tích đất là bao nhiêu, tờ bản đồ nào, thửa số mấy, ở đâu...

Hơn nữa, vào năm 1995, khi mà Ủy ban nhân dân huyện B2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ H, mặc dù biết nhưng bà L cũng không có khiếu nại, chỉ đến khi các nguyên đơn khởi kiện thì bà L mới xuất trình giấy chuyển nhượng này. Như vậy, có căn cứ để khẳng định giấy chuyển nhượng nhà và đất do bà L xuất trình là không hợp pháp; việc vợ chồng bà L cho rằng đã mua của cụ L và cụ H 410 m² đất tại thửa 270, tờ bản đồ số 33, ở Xóm 5, thôn C, xã B1, huyện B2, tỉnh Hà Nam là không đúng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ L và cụ H là có căn cứ.

[4] Mặc dù các bên đương sự đều không kháng cáo về việc phân chia tài sản thừa kế cho các kỹ phần, tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng nhận thấy:

Khi phân chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng những người được hưởng thừa kế, phân chia di sản mà cụ L và cụ H để lại, có xem xét đến thực trạng diện tích đất đang có tranh chấp, nhu cầu của các đương sự cũng như công sức đóng góp của bà L, ông S cùng các thành viên gia đình bà L trong việc quản lý, duy trì di sản thừa kế, theo đó đã phân chia theo quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của các bên đương sự.

Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị L không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, cho nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;
2. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0002866 ngày 23/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.
3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2), phòng HCTP (2b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng Phúc